

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 453/2026/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, người nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1991

Số CCCD: 038091012514

Địa chỉ: TDP T, phường S, Thanh Hóa

- Chị Nguyễn Thị Minh H – sinh năm 1998

Số CCCD: 038198007366

Địa chỉ: TDP T, phường S, Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn với nhau năm 2022 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố S (nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, vui vẻ đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, khiến cho tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, không thể hòa hợp được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ giữa tháng 2 năm 2026 cho đến nay. Vì vậy anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của

anh chị không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 11/12/2023. Ly hôn anh T và chị H thống nhất giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9 năm 2026 đến khi cháu Nguyễn Minh A thành niên. Anh Nguyễn Trường T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Sự thỏa thuận của anh chị về người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên chấp nhận là đúng với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 nghị quyết số 326 ngày 20/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án, nên anh chị thỏa thuận chị H nộp 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 11/12/2023. Ly hôn anh T và chị H thống nhất giao cháu Nguyễn Minh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ(ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9 năm 2026 đến khi cháu Nguyễn Minh A thành niên. Anh Nguyễn Trường T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Nguyễn Thị Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Minh H tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0001413 ngày 14/8/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền, nghĩa vụ, quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành án; trường hợp không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng